

Bản án số: **678/2018/DS-ST**

Ngày: 29/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên;
2. Bà Tiêu Kim Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2018/QĐXX – ST ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2018/QĐST - DS ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV V

Địa chỉ: Đường T, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Ngọc T, GUQ số 39/V-UQ ngày 12/7/2017

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Kiều N, sinh năm 1965

Ông Lê Quốc T, sinh năm 1966

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Cùng địa chỉ: Đường H, Phường U, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2016 và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP E (gọi tắt là E) cho ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N vay số tiền 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng theo hợp đồng tín dụng số: 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011, số tiền vay: 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên; lãi suất vay trong hạn là 1,9%/tháng (01 tháng thay đổi lãi suất 01 lần kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực và được điều chỉnh theo biểu lãi suất E công bố tại thời điểm thay đổi), lãi suất quá hạn là 150% lãi

suất trong hạn.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng cho vay nêu trên, ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 405/P.KHCN/EIB-CL/TC/2011 và 406/P.KHCN/EIB-CL/TC/2011 ngày 22/07/2011, thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 207/40 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số 1538/2007/UB.GCN do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2007 và số 207/42 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số H02603/21 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N là chủ sở hữu; Cả 02 hợp đồng thế chấp đã được hoàn tất thủ tục công chứng tại Phòng Công chứng số 2, Tp. Hồ Chí Minh và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh cùng ngày 22/7/2011 theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 22/7/2011 E đã giải ngân số tiền 8.500.000.000 đồng cho khách hàng bằng tiền mặt.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. E đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông T và bà N trả nợ nhưng không có kết quả.

Ngày 24/9/2014, E đã bán toàn bộ khoản nợ của ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N cho Công ty TNHH MTV V (gọi tắt là V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 3808/2014/MBN.V2-Eximbank bao gồm toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011. Như vậy, kể từ ngày 24/9/2014, V là chủ nợ khoản vay của ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N.

Tại phiên tòa hôm nay V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N trả cho V số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011 là 21.001.854.678 (hai mươi một tỷ không trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tám) đồng. Trong đó, nợ gốc 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng; lãi trong hạn tính đến ngày 22/7/2012 là 675.025.511 (sáu trăm bảy mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm mười một) đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 11.826.829.167 (mười một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng.

Trong trường hợp ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N không trả được nợ, V yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số Hợp đồng thế chấp tài sản số 405/P.KHCN/EIB-CL/TC/2011 và 406/P.KHCN/EIB-CL/TC/2011 ngày 22/07/2011 để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV V buộc ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N phải trả nợ cho V số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011 là 8.500.000.000 đồng; về nợ lãi bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, tính toán cụ thể kể từ ngày ông T và bà N vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày vụ án được đưa ra xét xử. Về tài sản thế chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất tọa lạc tại số 207/40 và 207/42 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh do ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N là chủ sở hữu để thu hồi nợ nếu không trả được nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty TNHH MTV V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án dân sự: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Mặt khác, bị đơn cư trú tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét tư cách tố tụng của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 3808/2014/MBN.V2-Eximbank ngày 24/9/2014 thì E đã bán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác phát sinh của Hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011 được ký giữa E và ông Lê Quốc T, bà Bùi Thị Kiều N cho V. Việc mua bán này được thực hiện dựa trên sự thỏa thuận của các bên và đúng pháp luật theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó, V có đủ tư cách khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc T, bà Bùi Thị Kiều N trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011.

[2] Về yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011 ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N có vay của Ngân hàng TMCP E số tiền 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng và ông bà đã nhận đủ số tiền vay này. Kể từ khi nhận tiền vay cho đến thời điểm xét xử, ông T và bà N đã thanh toán được 1.199.672.756 đồng tiền lãi, chưa thanh toán khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng. Vì vậy, số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 21.001.854.678 đồng. Trong đó, nợ gốc 8.500.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 12.501.854.678 đồng (lãi trong hạn: 675.025.511 đồng, lãi quá hạn:

11.826.829.167 đồng).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên E là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Căn cứ tại Hợp đồng tín dụng và thông báo cho vay thì lãi suất cho vay là 1,9%/tháng (01 tháng thay đổi lãi suất 01 lần) và lãi suất quá hạn là 2,85%/tháng. Tại thời điểm xét xử, lãi suất cho vay của E là 12%/năm và lãi suất quá hạn là 18%/năm.

[3] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N không có khả năng thanh toán thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tọa lạc tại số 207/40 và 207/42 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh do ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N là chủ sở hữu để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử nhận định: Nhà đất tọa lạc tại số 207/40 và 207/42 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh do ông Lê Quốc T, bà Bùi Thị Kiều N là chủ sở hữu được UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ngày 09/10/2007 và ngày 22/5/2006. Ông T, bà N đã thế chấp tài sản trên cho E thông qua Hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số Hợp đồng thế chấp tài sản số 405/P.KHCN/EIB-CL/TC/2011, số 406/P.KHCN/EIB-CL/TC/2011 ngày 22/07/2011, đã được hoàn tất thủ tục công chứng tại Phòng Công chứng số 2, Tp. Hồ Chí Minh và đăng ký thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh ngày 22/7/2011 theo đúng quy định pháp luật. Do đó khi ông T, bà N không có khả năng thanh toán thì tài sản trên sẽ được phát mãi để thi hành trả số tiền nợ là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N phải trả cho Ngân hàng nợ gốc là 8.500.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 29/11/2018: 12.501.854.678 đồng (gồm lãi trong hạn: 675.025.511 đồng, lãi quá hạn: 11.826.829.167 đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 21.001.854.678 (hai mươi một tỷ không trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tám) đồng. Cụ thể bị đơn phải chịu án phí là 129.001.855 (một trăm hai mươi chín triệu không trăm lẻ một nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.281.826 (sáu mươi hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm hai mươi sáu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N trả cho Công ty TNHH MTV V số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 1004-LAV-201103187 ngày 22/07/2011 là 21.001.854.678 (hai mươi một tỷ không trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tám) đồng gồm nợ gốc: 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 12.501.854.678 (mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tám) đồng gồm lãi trong hạn: 675.025.511 (sáu trăm bảy mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm mười một) đồng, lãi quá hạn: 11.826.829.167 (mười một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 30/11/2018 theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N trả hết số nợ cho Công ty TNHH MTV V(V) thì V có nghĩa vụ trả toàn bộ Giấy chứng nhận Quyền Sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở cho ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N.

Ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N trả hết số nợ cho Công ty TNHH MTV V thì V có nghĩa vụ trả toàn bộ Giấy chứng nhận Quyền Sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 207/40 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số 1538/2007/UB.GCN do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2007 và số 207/42 đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số H02603/21 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N.

2. Về án phí: Ông Lê Quốc T và bà Bùi Thị Kiều N phải chịu án phí sơ thẩm là 129.001.855 (một trăm hai mươi chín triệu không trăm lẻ một nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.281.826 (sáu mươi hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm hai mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0000909 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh